

Số: 239/QĐ-YHCT

Thái Bình, ngày 08 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN YHCT THÁI BÌNH

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 13/2023/TT-BYT ngày 29/6/2023 về quy định khung giá và phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước cung cấp;

Căn cứ Quyết định số 1582/QĐ-UBND ngày 21/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2023-2025 cho các đơn vị sự nghiệp công trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Quyết định số 3470/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Thái Bình quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Bình trực thuộc Sở Y tế;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp, Tài chính kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá 33 dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại Bệnh viện YHCT Thái Bình. Thời gian áp dụng từ ngày 15 tháng 5 năm 2024.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Bệnh nhân BHYT khi sử dụng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu phải chi trả thêm phần chênh lệch giữa giá dịch vụ theo yêu cầu và dịch vụ khám chữa bệnh BHYT.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định số 96/QĐ-YHCT ngày 23/3/2021 và Quyết định số 161/QĐ-YHCT ngày 09/6/2021.

Trưởng các phòng: Kế hoạch tổng hợp, Tài chính kế toán; trưởng các khoa, phòng, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Y tế, Sở Tài chính;
- Giám đốc, PGĐ bệnh viện;
- Lưu: VT, KHTH, TCKT.



Nguyễn Hồng Việt

DANH MỤC GIÁ DỊCH VỤ
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH THEO YÊU CẦU
(Kèm Quyết định số 239/QĐ-YHCT ngày 08 tháng 5 năm 2024
của Giám đốc Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Bình)

Số TT	Tên theo Danh mục kỹ thuật tại Thông tư 43,50,21	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
1	Khám Yêu cầu (Bác sĩ chuyên khoa 2 khám bệnh)	Lần	150.000
2	Khám Yêu cầu (Bác sĩ chuyên khoa 1 khám bệnh)	Lần	130.000
3	Giường Nội khoa loại 3 Hạng II - Khoa Y học cổ truyền (Giường nội khoa loại 1: 02 giường/phòng)	Ngày	397.600
4	Giường Nội khoa loại 3 Hạng II - Khoa Y học cổ truyền (Giường nội khoa loại 2: 04 giường/phòng)	Ngày	347.600
5	Giường Nội khoa loại 3 Hạng II - Khoa Y học cổ truyền (Giường nội khoa loại 3: 04 giường/phòng)	Ngày	200.000
6	Giường Nội khoa loại 2 Hạng II - Khoa Ngoại tiêu hoá (Giường nội khoa loại 4: 04 giường/phòng, áp dụng bệnh nhân Trĩ có chỉ định phẫu thuật)	Ngày	232.700
7	Giường Ngoại khoa loại 3 Hạng II - Khoa Ngoại tiêu hoá (Giường ngoại khoa loại 5: 04 giường/phòng, áp dụng bệnh nhân Trĩ sau phẫu thuật)	Ngày	274.700
8	Măng châm	Lần	150.000
9	Điện châm (kim ngắn)	Lần	100.000
10	Thủy châm (Bao gồm thuốc Bencozym ...)	Lần	100.000
11	Cấy chỉ	Lần	300.000
12	Xông hơi thuốc	Lần	60.000
13	Ngâm thuốc YHCT bộ phận	Lần	75.000
14	Xoa bóp bấm huyệt bằng tay (30 phút)	Lần	100.000
15	Xoa bóp bấm huyệt bằng tay (30 phút + chườm ngải)	Lần	120.000
16	Xoa bóp bấm huyệt bằng tay (60 phút)	Lần	200.000
17	Xoa bóp bấm huyệt bằng tay (60 phút + chườm ngải)	Lần	220.000
18	Tác động cột sống (30 phút)	Lần	150.000
19	Tác động cột sống, chườm ngải (60 phút)	Lần	300.000



Số TT	Tên theo Danh mục kỹ thuật tại Thông tư 43,50,21	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
20	Giác hơi	Lần	50.000
21	Cứu	Lần	50.000
22	Điều trị bằng các dòng điện xung	Lần	70.000
23	Điều trị bằng siêu âm	Lần	75.000
24	Điều trị bằng sóng xung kích	Lần	80.000
25	Điều trị bằng tia hồng ngoại	Lần	50.000
26	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống	Lần	90.000
27	Điều trị bằng Laser công suất thấp nội mạch	Lần	120.000
28	Nội soi hậu môn ống cứng can thiệp - tiêm xơ búi trĩ	Lần	258.000
29	Tiêm trong da	Lần	12.800
30	Tiêm dưới da	Lần	12.800
31	Tiêm bắp thịt	Lần	12.800
32	Tiêm tĩnh mạch	Lần	12.800
33	Truyền tĩnh mạch	Lần	22.800